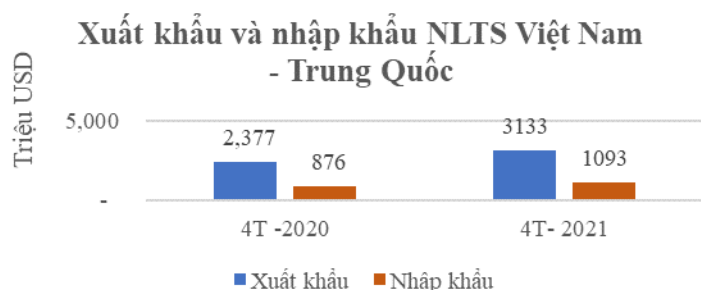


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường **TRUNG QUỐC**

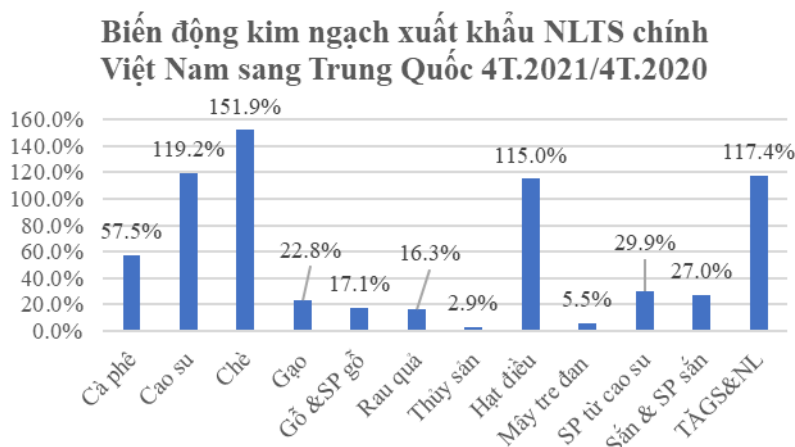


TÌNH HÌNH CHUNG



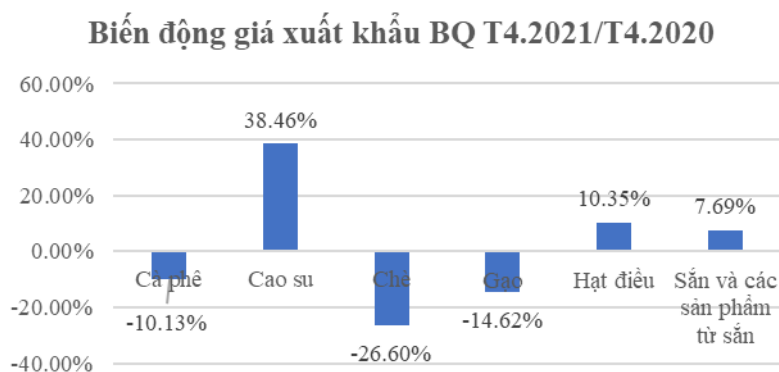
So sánh xuất nhập khẩu NLTS chính Việt Nam - Trung Quốc (4T. 2021/2020)

Xuất khẩu	▲ 31,8%
Nhập khẩu	▲ 24,73%



So sánh 4T.2021/4T.2020

Cà phê	▲ 57,46%
Cao su	▲ 119,23 %
Chè	▲ 151,91%
Gạo	▲ 22,83 %
Gỗ và SP Gỗ	▲ 17,06%
Rau quả	▲ 16,25%
Thủy sản	▲ 2,88%
Hạt điều	▲ 115,04%
Mây tre đan	▲ 5,48%
SP từ cao su	▲ 29,89 %
Sắn và SP Sắn	▲ 26,97%
TĂGS và NL	▲ 117,36 %



So sánh giá xuất khẩu tháng 4.2021/2020

Cà phê	▼ 10,13%
Cao su	▲ 38,46%
Chè	▼ 26,60%
Gạo	▼ 14,62%
Hạt điều	▲ 10,35%
Sắn & SP sắn	▲ 7,69%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Báo cáo Tình hình và Triển vọng kinh tế thế giới năm 2021 của Liên hợp quốc công bố ngày 11/5 cho biết, sự phát triển của hai nền kinh tế chủ chốt là Trung Quốc và Mỹ sẽ là động lực cho phục hồi kinh tế toàn cầu, tuy nhiên, dịch Covid-19 bùng phát cũng như sự thiếu hụt vaccine tại nhiều quốc gia sẽ là những nhân tố đe dọa nghiêm trọng quá trình phục hồi này. Báo cáo dự báo, kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng 5,4% trong năm 2021, tăng so với mức dự đoán 4,7% mà Liên hợp quốc đưa ra hồi đầu năm. Trong đó, báo cáo cũng nâng dự báo tăng trưởng của kinh tế Trung Quốc từ 7,2% hồi đầu năm lên 8,2%, còn tăng trưởng của kinh tế Mỹ là 6,2%.

Theo tin Reuters, các chuyên gia quốc tế nhận định, nền kinh tế Trung Quốc có dấu hiệu phục hồi không đồng đều, trong đó xuất khẩu và đầu tư trong nước tăng mạnh, nhưng tiêu dùng yếu. Các lĩnh vực liên quan đến du lịch, nghỉ dưỡng và giải trí là những nơi sử dụng nhiều lao động nhất, nhưng vẫn đang bị ảnh hưởng bởi diễn biến phức tạp của dịch COVID-19.

Các chỉ số về hoạt động kinh tế công bố trước đó cũng cho thấy đầu tư vào tài sản cố định của Trung Quốc trong thời gian từ tháng 1-4/2021 đã tăng 19,9%, đạt 14.380 tỷ NDT (khoảng 2.240 tỷ USD) so với cùng kỳ năm trước đó, chậm hơn so với mức tăng 25,6% trong thời gian từ tháng 1-3/2021.

Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc (NBS) ngày 17/5 công bố số liệu cho thấy sản lượng công nghiệp của nước này trong tháng 4/2021 đã tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước, phù hợp với dự báo nhưng giảm so với mức tăng 14,1% trong tháng 3/2021. Trong khi đó, doanh số bán lẻ tăng 17,7%, thấp hơn nhiều so với mức dự báo tăng 24,9% và mức tăng 34,2% trong tháng 3/2021.

Các nhà xuất khẩu Trung Quốc vui mừng trước nhu cầu tăng mạnh, song tình trạng khan hiếm chuỗi cung ứng trên toàn cầu và chi phí nguyên liệu thô tăng cao đã ảnh hưởng đến sản xuất, làm chậm đà phục hồi kinh tế, vốn đang gia tăng sau sự sụt giảm do COVID-19 hồi năm 2020.

Tân Hoa Xã ngày 26/5 dẫn nguồn tin từ cơ quan khí tượng nước này cho biết Trung Quốc đang chuẩn bị ứng phó với một mùa lũ lớn, trong khi 71 con sông đều đã có mức nước vượt mức cảnh báo, giữa bối cảnh các cơ quan khí tượng cảnh báo tình hình trái đất toàn cầu nóng lên đang thúc đẩy những hiện tượng thời tiết cực đoan. Mức nước trên sông Dương tử và các sông vùng hạ lưu của con sông này dự kiến sẽ tăng mạnh hơn nữa trong những tuần tới, khi sẽ liên tiếp xảy ra những trận lũ lớn trên khắp nước này trong giai đoạn tháng 6 đến tháng 8.

Theo New York Times, dân số Trung Quốc đang tăng với tốc độ chậm nhất kể từ thập kỷ 60 của thế kỷ 20, tỉ lệ sinh giảm và lực lượng lao động già hóa đang trở thành một trong những thách thức kinh tế và xã hội nghiêm trọng nhất của Trung Quốc. Số liệu điều tra dân số Trung Quốc vào năm 2020 được công bố cho kết quả 1,41 tỉ người, tăng khoảng 72 triệu so với mức 1,34 tỉ người trong điều tra dân số năm 2010. Số liệu cho thấy tỉ lệ tăng trung bình dân số Trung Quốc trong 10 năm qua là 0,53%, thấp hơn giai đoạn 2000 – 2010 với mức tăng là 0,57%. Wang Feng - giáo sư xã hội học tại chi nhánh Irvine Đại học California (Mỹ) - ví chính sách kiểm soát sinh sản của Trung Quốc với khoản vay thế chấp của chính phủ để phát triển trong tương lai. Ông cho biết cơ cấu dân số hiện nay sẽ là hạn chế đối với nhiều chủ trương đầy tham vọng của Trung Quốc. Từ năm 2016, chính sách kế hoạch hóa gia đình của Trung Quốc đã được nới lỏng cho các cặp vợ chồng có thể sinh 2 con, nhưng với thực trạng cuộc điều tra dân số này, có thể chính sách dân số của Trung Quốc sẽ phải tiếp tục nới lỏng hơn. Hiện nay, nhiều chính quyền địa phương đã cho phép các gia đình có từ 3 con trở lên. Nhưng giới phân tích chỉ ra rằng giải pháp không đơn giản. Ngày nay, nhiều phụ nữ Trung Quốc có trình độ học vấn cao trì hoãn kết hôn, từ năm 2014, tỉ lệ kết hôn ở Trung Quốc không ngừng giảm, từ năm 2003, tỉ lệ ly hôn liên tục tăng, nhiều gia đình trẻ trì hoãn sinh con do chi phí nuôi dạy con cái quá cao.

Trong 4 tháng đầu năm nay, thương mại song phương giữa Campuchia và Trung Quốc đã tăng 19,7% lên 3 tỷ USD. Xuất khẩu sang Trung Quốc tăng 42% lên 424 triệu USD, trong khi nhập khẩu tăng khiêm tốn hơn 16,7% lên 2,58 tỷ USD. Điều này có nghĩa là thâm hụt thương mại là 2,156 tỷ đô la. Hiệp định FTA Campuchia - Trung Quốc (CCFTA), được phê chuẩn vào năm ngoái, được dự đoán sẽ thúc đẩy thương mại song phương lên 10 tỷ USD vào năm 2023. Penn Sovicheat, Ngoại trưởng Bộ Thương mại, tuyên bố: “Cơ hội có sẵn tại thị trường Trung Quốc sẽ giúp thúc đẩy khối lượng thương mại lớn hơn và tăng cường mối quan hệ bền chặt hơn giữa hai nước theo [CCFTA] được ký kết gần đây.” Campuchia gần đây đã hoàn thành một thỏa thuận thương mại cho phép xuất khẩu xoài tươi vào đất liền và hiện đang làm việc để phát triển các thỏa thuận tương tự đối với yến sào, dưa, nhãn và thanh long.

Do có 5 ca nhiễm Covid-19, ngày 25/5, Cảng container quốc tế Yantian Thâm Quyến thông báo không tiếp nhận các container xuất khẩu hạng nặng từ 22h ngày 25/5 đến 23h59 ngày 27/5. Hai ngày sau khi cảng đóng cửa, các con đường xung quanh cảng Yantian đầy xe kéo container, và các tàu container đang chờ hoạt động cập bến cũng dừng lại ở vùng nước gần Yantian. Điều này được hiểu rằng Cảng Container Quốc tế Yantian đã thực hiện "một cuộc kiểm tra hàng ngày" cho 7395 nhân viên trong khu vực cảng. Cảng Yantian Thâm Quyến là cảng container lớn nhất thế giới, vận chuyển một phần tư khối lượng hàng hóa thương mại của Trung Quốc

với Hoa Kỳ và cũng là một trong những cảng quan trọng nhất trên các tuyến đường châu Âu và châu Mỹ. Gần đây, bị ảnh hưởng bởi việc đóng cửa cảng Yantian, các chỉ số vận chuyển hàng hóa chính đối với vận chuyển container từ châu Á đến châu Âu đã thiết lập một kỷ lục lịch sử mới, lần đầu tiên vượt qua 10.000 USD. Giá cước thực tế gần 15.000 USD, tăng 485% so với cùng kỳ năm ngoái.

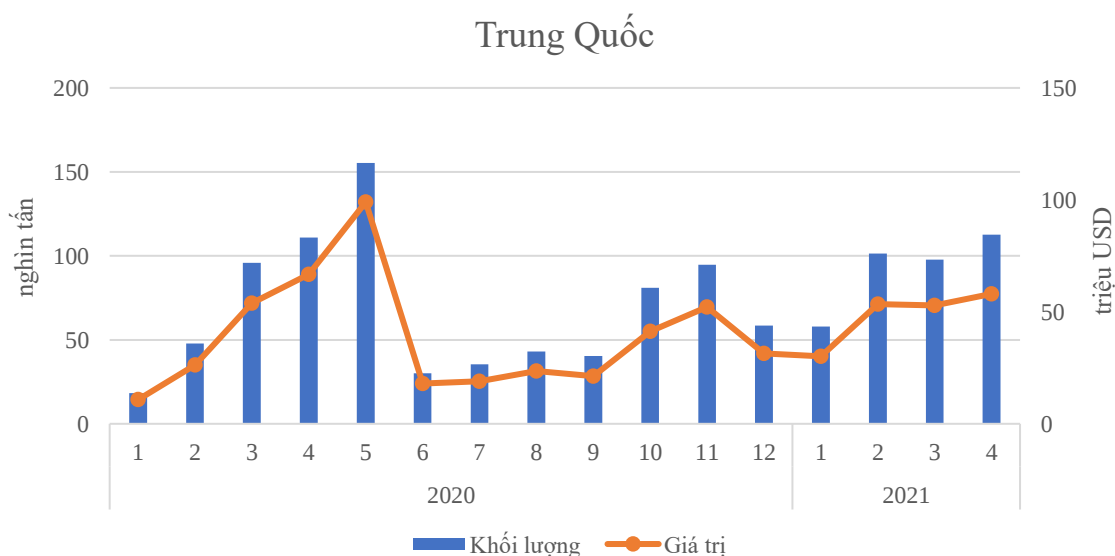
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 5/2021 của USDA, sản lượng gạo của Trung Quốc trong năm 2021 tiếp tục được dự báo là sẽ đạt khoảng 148,3 triệu tấn, tăng 1,6 triệu tấn so với năm trước. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Trung Quốc năm 2021 ước đạt 2,8 triệu tấn, giảm 100 nghìn tấn so với năm ngoái. Nguyên nhân chính là do dự trữ gạo của Trung Quốc hiện vẫn tương đối cao.

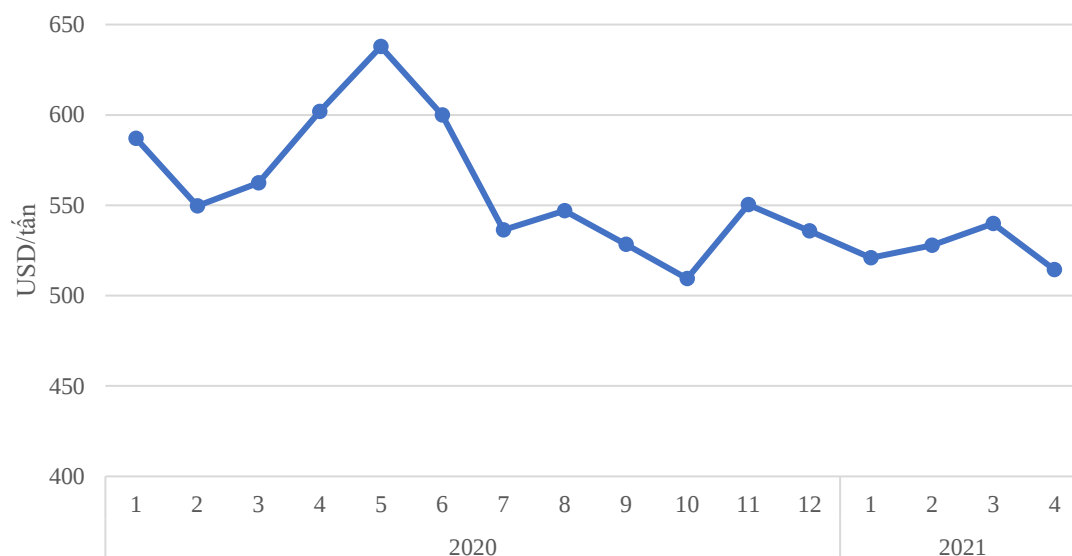
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2021, Việt Nam xuất khẩu được 112,6 nghìn tấn gạo, trị giá 58,0 triệu USD sang Trung Quốc tăng 15,2% về khối lượng và 9,7% về giá trị so với tháng trước, và tăng 1,5% về khối lượng nhưng giảm 13,3% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 4 tháng đầu năm 2021 đạt 369,2 nghìn tấn, trị giá 194,1 triệu USD, tăng 35,2% về khối lượng và 23,0% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

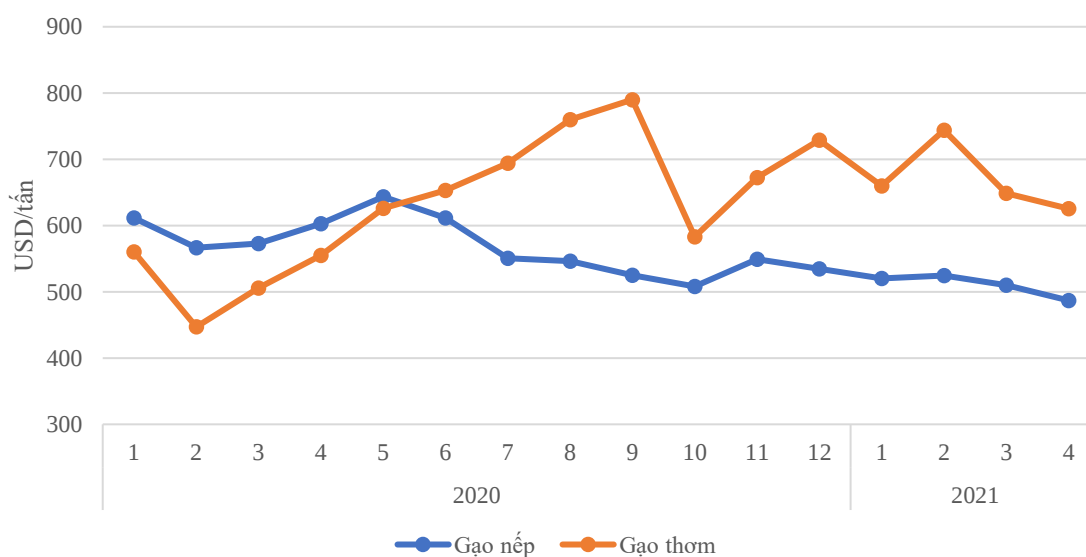
Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 4/2021 đạt 514,5 USD/tấn, giảm 4,7% so với tháng trước, và 14,5% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 4/2021, gạo nếp tiếp tục là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 85,5 nghìn tấn, trị giá 41,6 triệu USD (chiếm 75,9% về khối lượng và 71,8% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo nếp sang Trung Quốc đã giảm 20,0% về khối lượng và 35,6% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo nếp tháng 4/2021 đạt trung bình 487,0 USD/tấn, giảm 4,5% so với tháng trước và 19,2% so với cùng kỳ năm 2020. Giá gạo thơm đạt 625,6 USD/tấn, giảm 3,6% so với tháng trước nhưng tăng 12,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo nếp và gạo thơm sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 4/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH Dương Vũ, Công ty TNHH Tân Thanh An, và Công ty CP Tân Đồng Tiến. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 18,3%, 13,2% và 11,8% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc trong tháng 4/2021. So với cùng kỳ năm 2020, Công ty TNHH Dương Vũ giảm 26,2%, Công ty TNHH Tân Thanh An tăng 87,5%, còn Công ty CP Tân Đồng Tiến tăng 96,5%.

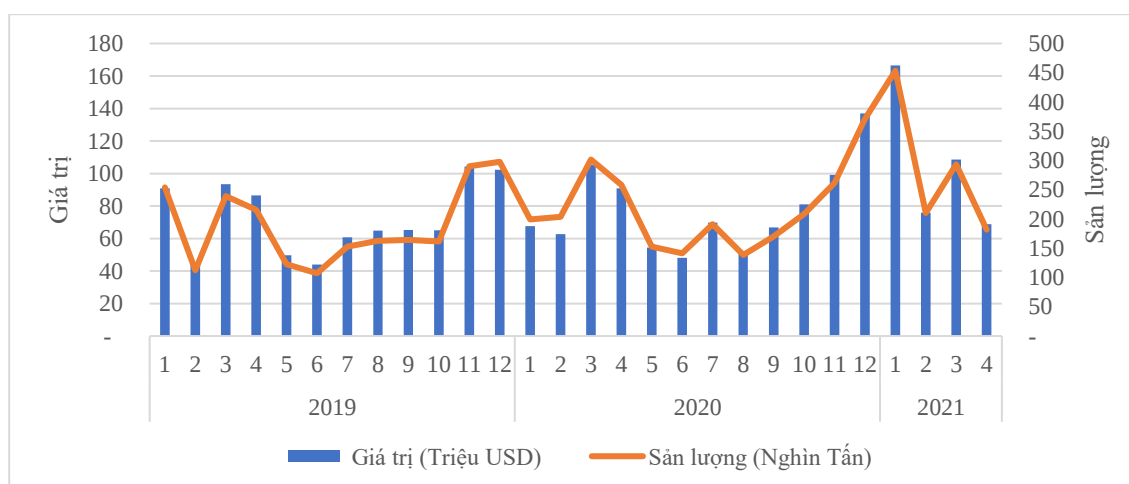
2. SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo báo cáo Trung tâm phân tích thông tin công nghệ sản xuất sản Trung Quốc phân tích từ số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong 4 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu tinh bột sản của Trung Quốc tăng đáng kể. Tổng nhập khẩu tinh bột sản của Trung Quốc là 1,3191 triệu tấn, tăng 36,04% so với cùng kỳ năm trước; giá trị nhập khẩu là 614 triệu USD, tăng 54,49% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính riêng trong tháng 4/2021, nhập khẩu tinh bột sản của Trung Quốc là 400.800 tấn và giá trị nhập khẩu là 192 triệu USD, tăng lần lượt 19,95% và 43,07% so với cùng kỳ năm ngoái.

Về thị trường sản tươi, trong thời gian gần đây, nguồn cung sản tươi nguyên liệu của Thái Lan và Việt Nam giảm, thương lái chủ yếu bán tồn kho, vào tuần cuối tháng 5 giá sản lát khô tại Thái Lan tăng nhẹ, còn thị trường sản lát khô của Việt Nam vẫn ổn định. Tồn kho thị trường sản lát của Trung Quốc nhìn chung vẫn ở mức thấp. Gần đây nguồn cung nguyên liệu sản tươi của Việt Nam đã suy yếu, nguồn cung nguyên liệu sản tươi ở khu vực miền Nam không đủ để duy trì hoạt động sản xuất, khiến cho sản lượng tinh bột sản liên tục giảm. Trong tuần cuối tháng 5, giá thu mua sản tươi Việt Nam giảm, trong đó giá thu mua sản tươi tại khu vực miền Nam là 3.150 – 3.250 VNĐ/kg (khoảng 880 – 910 NDT/tấn), giá thu mua sản tươi tại khu vực phía Bắc là 2.650 – 2.750 VNĐ/kg (khoảng 740 – 760 NDT/tấn), giảm khoảng 50 đồng/kg, các nhà máy sản xuất tinh bột sản tại khu vực phía Bắc đã dừng sản xuất do nguồn cung sản tươi của Việt Nam tương đối eo hẹp.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2021, Việt Nam xuất khẩu được 182,0 nghìn tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 68,8 triệu USD sang thị trường Trung Quốc, giảm 38,0% về khối lượng và 36,6% về giá trị so với tháng 3/2021; giảm 29,6% về khối lượng và 24,2% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường này đạt 1,1 triệu tấn, trị giá 412,3 triệu USD, tăng 15,9% về khối lượng và 27,0% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

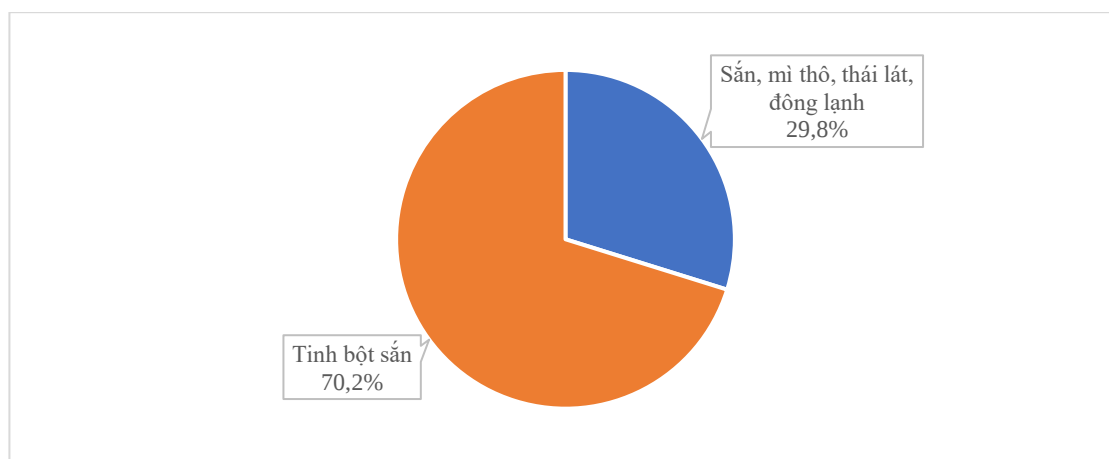
Hình 4: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Trung Quốc chiếm 85,0% về khối lượng và 85,6% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 4 năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu tinh bột sắn đạt 48,3 triệu USD, chiếm 70,2% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, giảm 38,9% so với cùng kỳ năm 2020; sắn lát, đông lạnh đạt 20,5 triệu USD (chiếm 29,8%), tăng 74,5%.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 4/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH Thương mại Hồng Nga Sài Gòn, Công ty CP Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi, Công ty CP Fococev Việt Nam với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 16,4%; 11,5% và 8,4%. So sánh với kim ngạch xuất khẩu cùng kỳ năm ngoái, Công ty TNHH Thương mại Hồng Nga Sài Gòn cao gấp 4,2 lần, Công ty CP Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi giảm 45,7%, Công ty CP Fococev Việt Nam giảm 55,2%.

3. RAU QUẢ

Giá gừng xuất khẩu của Trung Quốc năm nay khá cao do chi phí vận chuyển tăng và giá nguyên liệu đầu vào tăng. Ở thời điểm hiện tại, giá gừng xuất khẩu của Trung Quốc sang thị trường châu Âu vào khoảng 2.200-2.300 USD/tấn. Con số này cao hơn khoảng 30% so với cùng kỳ năm ngoái. Khối lượng xuất khẩu gừng của Trung Quốc sang thị trường châu Âu trong những tháng đầu năm 2021 ít hơn so với cùng kỳ năm 2020 và 2019. Khối lượng mua của các khách hàng châu Âu đã tăng lên phần nào kể từ cuối tháng 4, nhưng vẫn ít hơn so với cùng kỳ những năm trước. Chi phí vận chuyển tăng cao và tình trạng thiếu container vận chuyển không còn nghiêm trọng như trước. Giá vận chuyển thậm chí đã giảm trong vài tuần vào tháng 3, nhưng sau đó bắt đầu tăng trở lại. Điều đó chủ yếu là do đại dịch làm giảm hiệu quả trong ngành vận tải biển toàn cầu. Ít container vận chuyển được trả lại cho Trung Quốc. Sự thiếu hụt này diễn ra nghiêm trọng nhất trong việc xuất khẩu từ Trung Quốc sang Bắc Mỹ và Châu Âu. Giá gừng xuất khẩu của Trung Quốc cao hơn đã làm giảm lượng xuất khẩu trong năm nay. Các thị trường nước ngoài vẫn phải vật lộn với sự bùng phát của Covid-19 và chi phí vận chuyển vẫn đang tăng. Đó là lý do tại sao các dự đoán thị trường cho năm 2021 không quá lạc quan.

Hoạt động buôn bán chuỗi của Trung Quốc thường chững lại sau kỳ nghỉ lễ 1/5. Chuối dễ bị thay thế trên thị trường khi vào vụ thu hoạch trái cây theo mùa, đó là lý do tại sao mùa hè gây áp lực lớn cho doanh số bán chuối. Người tiêu dùng ưa chuộng dưa hấu, lê và đào hơn trong thời tiết nắng nóng của mùa hè. Ngoài ra, hiện nay chất lượng sản phẩm của chuối không ổn định và đó cũng là một nguyên nhân khiến giá bán thấp. Sản lượng cung cấp từ Vân Nam tương đối nhỏ nên ít có áp lực hơn đối với nông dân trồng chuối ở đó. Tuy nhiên, ở Hải Nam, lượng cung rất lớn, nhưng số lượng thương nhân đặt hàng cũng không nhiều, giá vẫn ổn định nhưng ở mức thấp.

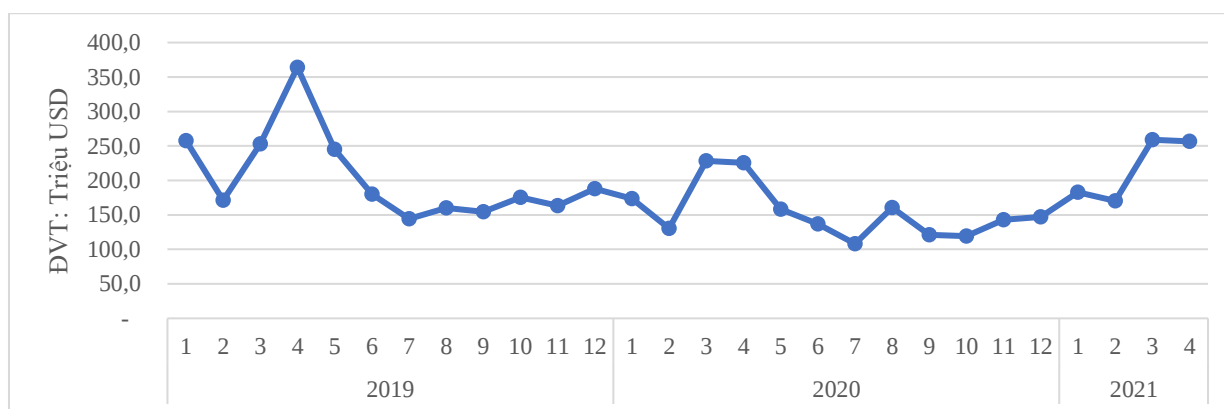
Theo Thương vụ Việt Nam tại Campuchia, mới đây, tại làng Samrong Teav, Ppường Kraing Thnong, quận Sen Sok, Phnôm Pênh (Campuchia) đã diễn ra lễ xuất khẩu quả xoài tươi trực tiếp đầu tiên sang Trung Quốc. Như vậy sau hơn 3 năm đàm phán (từ năm 2018), Bộ Nông lâm ngư nghiệp Campuchia và Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) đã chính thức chấp nhận cho 37 công ty có trang trại trồng cây xoài, 5 công ty có nhà máy xử lý đóng gói quả xoài tươi của Campuchia đủ điều kiện để xuất khẩu quả xoài tươi trực tiếp vào Trung Quốc. Đây là trái cây thứ hai, sau quả chuối của Campuchia được trực tiếp xuất khẩu sang thị trường đông dân nhất thế giới này.

Tờ Laotian Times đưa tin, các doanh nghiệp Trung Quốc vừa ký một thỏa thuận mua 9 sản phẩm nông nghiệp trị giá 1,5 tỷ USD của Lào trong giai đoạn 2021-2025. Các sản phẩm mà doanh nghiệp Trung Quốc mua từ Lào lần này gồm có 100.000 tấn lạc, 100.000 tấn tinh bột sắn, 100.000 thịt bò đông lạnh, 200.000 tấn hạt điều, 100.000 tấn xoài, 50.000 tấn sầu riêng, 200.000 tấn đậu tương, 100.000 tấn chuối và 500.000 tấn đường.

Trung Quốc đại lục mở tuyến hàng không vận chuyển hàng hóa đầu tiên tới Mỹ Latinh, nông sản Mexico nhập khẩu được "chấp thêm cánh". Được biết, đây là tuyến hàng không vận chuyển hàng hóa định kỳ thứ 14 do hãng hàng không Thiên Hà mở, tuyến hàng không này do Aeromexico khai thác, mỗi tuần 2 chuyến, dự kiến vận chuyển được 3.500 tấn hàng hóa mỗi năm. Trước đây, trái cây mà Mexico bán sang Trung Quốc chủ yếu là bơ có khả năng chịu vận chuyển đường dài, dự kiến sau khi triển khai chuyến bay chở hàng này, nhiều loại trái cây được phép sử dụng như mâm xôi, việt quất cũng sẽ xuất hiện trong thị trường Trung Quốc. Đây cũng là tuyến hàng không vận chuyển hàng hóa đầu tiên từ Trung Quốc đại lục đến Mỹ Latinh, sẽ giúp nâng cao dịch vụ hậu cần giữa Trung Quốc và Mỹ Latinh.

Vào ngày 6/5, cuộc họp báo của Hội nghị ngành vải Trung Quốc năm 2021 đã được tổ chức tại thành phố Mậu Danh (Maoming), Quảng Đông. Hội nghị lần thứ năm sẽ được tổ chức từ ngày 19 – 20/5. Vải Quảng Đông năm nay bắt đầu mở bán. Sản lượng vải của Quảng Đông năm nay dự báo có thể vượt 1,4 triệu tấn, sản lượng sẽ tăng và tiêu thụ tập trung trên thị trường từ cuối tháng 5 đến đầu tháng 6. Năm ngoái là năm "được mùa" đối với người sản xuất vải ở Quảng Đông, tổng sản lượng của tỉnh đạt 1,3 triệu tấn. Năm nay, sản lượng vải Quảng Đông tăng 4,2% so với cùng kỳ năm ngoái và lại là một năm “được mùa”.

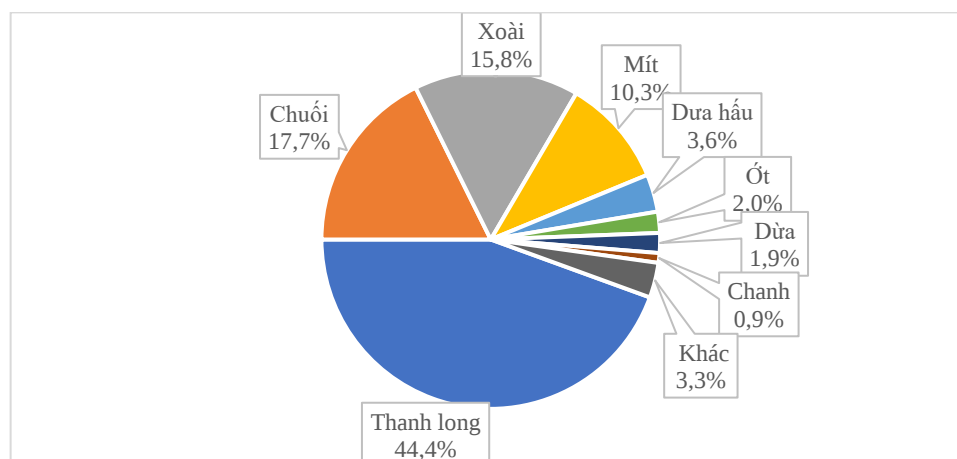
Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc tháng 4 năm 2021 đạt 256,7 triệu USD, chiếm 63,4% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 0,8% so với tháng trước (đạt 258,8 triệu USD) và tăng 13,9% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 225,4 triệu USD). Tính chung bốn tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc đạt 866,2 triệu USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 745,1 triệu USD).

Hình 6: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 4 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 244,8 triệu USD (chiếm 95,4% thị phần, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm 2020) và rau quả chế biến đạt 11,9 triệu USD (chiếm 4,6%), giảm 8,7%. So sánh với cùng kỳ năm 2020, mặt hàng trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) đạt 6,1 triệu USD, giảm 6,4%; nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 4 triệu USD, tăng 36,1%; mứt rau, quả (mã HS.2006) đạt 1,1 triệu USD, giảm 62,0%; ...

Trong tháng 4 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất bao gồm thanh long đạt 114,1 triệu USD (chiếm 44,4% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm 2020); chuối đạt 45,4 triệu USD (chiếm 17,7%), tăng 107,5%; xoài đạt 40,4 triệu USD (chiếm 15,8%), giảm 18,0%; mít đạt 26,5 triệu USD (chiếm 10,3%), tăng 17,7%, dưa hấu đạt 9,2 triệu USD (chiếm 3,6%), tăng 72,9%; ...

Hình 7: Cơ cấu các loại rau quả chính xuất khẩu sang Trung Quốc tháng 4/2021

Nguồn: Tổng cục Hải quan

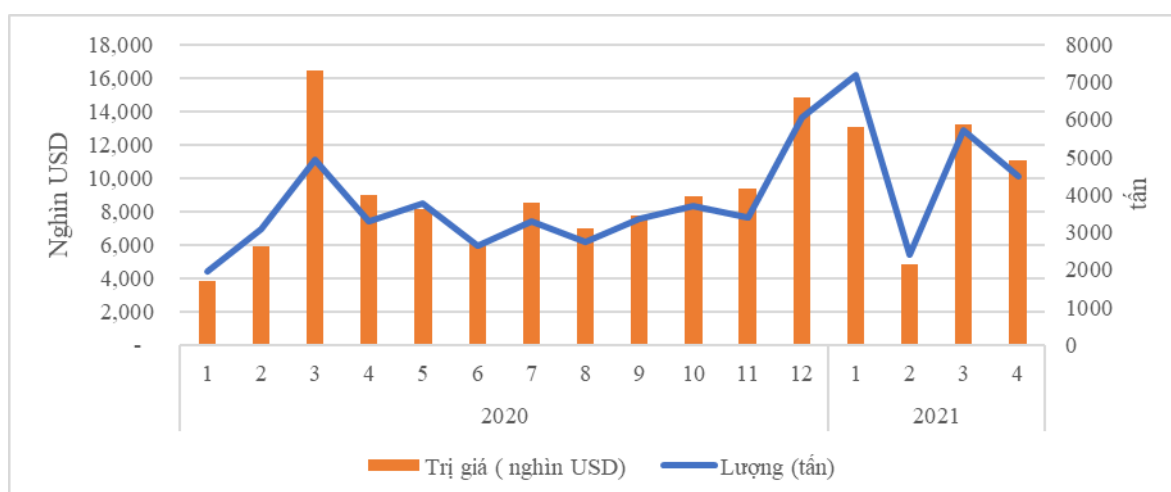
Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Trung Quốc tháng 4 năm 2021 đạt 28,8 triệu USD, chiếm 27,2% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 37,0% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 21,0 triệu USD). Giá trị nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc trong bốn tháng đầu năm 2021 đạt 136,7 triệu USD, tăng 54,4% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 88,5 triệu USD) tới đạt 6,4 triệu USD (chiếm 23,0%, tăng 54,7% so với cùng kỳ năm trước); nấm các loại đạt 3,9 triệu USD (chiếm 13,1%), giảm 27,1%; quýt đạt 2,6 triệu USD (chiếm 9,0%), cao gấp 5,3 lần; táo đạt 2,2 triệu USD (chiếm 7,8%), cao gấp 3,3 lần; ...

Trong tháng 4/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH XNK Yuelaimei, Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Giang và Công ty TNHH Hảo Khánh Thy Hà Giang với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 5,2%; 2,6% và 2,2%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty TNHH XNK Yuelaimei tăng 164,8%, Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Giang tăng 24,4%. Trong khi Công ty TNHH Hảo Khánh Thy Hà Giang không xuất khẩu trong tháng 4/2020, nhưng đã đẩy mạnh được xuất khẩu trong tháng 4/2021.

4. CÀ PHÊ

Trung Quốc là quốc gia nhập khẩu cà phê đứng thứ 13 của Việt Nam, chiếm khoảng 5% tổng lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 4/2021 đạt 4,4 nghìn tấn, trị giá 11,04 triệu USD, giảm 21,51% về lượng và giảm 16,33% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ tháng 4/2020, xuất khẩu cà phê giảm 36,79% về lượng và giảm 22,96% về giá trị.

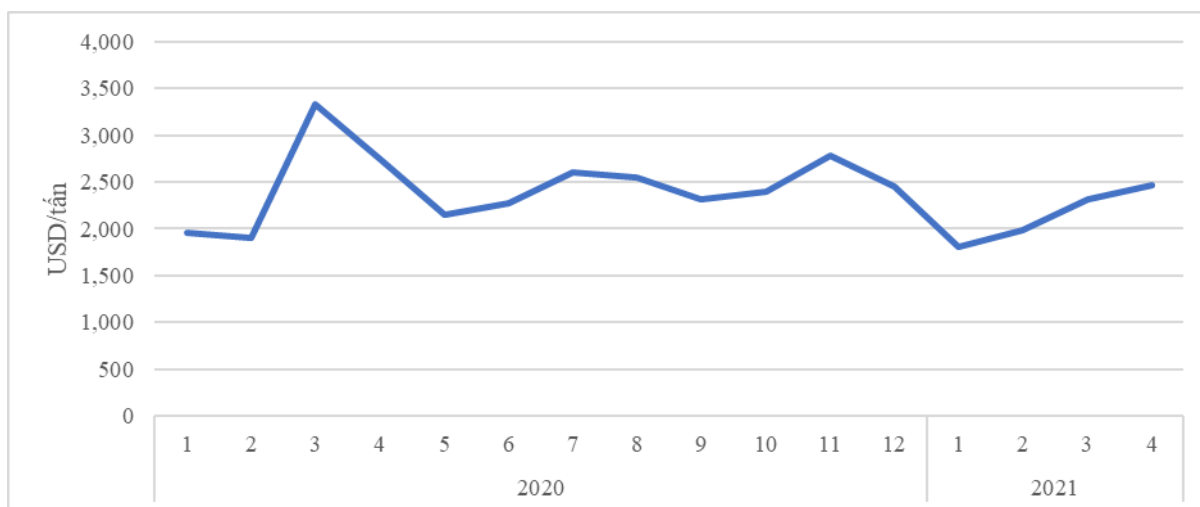
Hình 8: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 4/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc là 2.466 USD/tấn, tăng 6,6% so với tháng 3/2021 và giảm 10,11% so với cùng kỳ tháng 04/2020.

Hình 9: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc

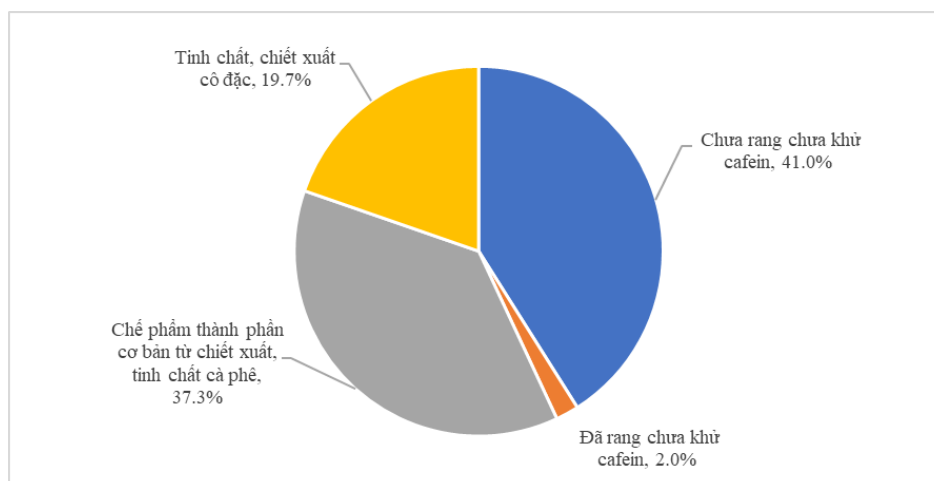


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê chế biến chiếm tỷ trọng 56,97%, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 43,03%. Tỷ trọng cà phê chế biến tăng 6,03% so với tháng trước nhưng giảm 18% so với cùng kỳ. Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 4/2021 cụ thể như sau:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein đạt 4,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 41,02%, tăng 134% so cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 222 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 2%, giảm 9,25% so với cùng kỳ. Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê đạt 4,1 triệu USD, chiếm 37,27%. Tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 2,1 triệu USD, chiếm 19,7%, giảm 5,1% so cùng kỳ.

Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 4/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là: Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Trung Nguyên - Nhà Máy Cà Phê Sài Gòn, Công ty TNHH Cofco International Việt Nam, Công ty TNHH Hữu Hạn Olam Việt Nam với thị phần lần lượt là: 40,09%; 17,38% và 5,83%.

Về tình hình thị trường:

Thành phố Bảo Sơn, một trong những khu vực sản xuất cà phê chính ở Vân Nam có kế hoạch sẽ thúc đẩy mạnh mẽ việc chuyển đổi và nâng cấp ngành cà phê. Cụ thể, sẽ chuyển giống trồng đồng thời nỗ lực nâng cao trình độ chế biến, tăng tỷ trọng chế biến thâm canh từ 30% lên hơn 60%; ngoài ra, sẽ nỗ lực nhiều hơn nữa trong trồng cà phê đặc sản và phân đầu xây dựng hơn 10 khu cà phê đặc sản trong vòng 5 năm tới.

Dữ liệu danh mục cà phê Tmall cho thấy cà phê nội địa đã tăng 3,4 lần vào năm 2020 so với năm 2018 và tỷ trọng của nó đã tăng từ 27% lên 44% trong thời gian gần đây. Trong các đợt khuyến mại trọng điểm như tháng 5, loại cà phê siêu hạng chiếm hơn 50%. Cà phê nội địa đã thay đổi hoàn toàn tình hình thị trường cà phê trực tuyến của Trung Quốc trước đây bị thống trị bởi các thương hiệu cà phê quốc tế. Ba thương hiệu nội địa lọt vào 10 danh mục hàng đầu đã tăng thị phần nhanh chóng từ năm 2018 đến năm 2020, với mức tăng trưởng hàng năm trên 100% trong hai năm liên tiếp.

Tính đến cuối năm 2020, có 108.000 cửa hàng cà phê ở Trung Quốc, nhưng ước tính sơ bộ là có gần 50.000 cửa hàng không phải là cửa hàng cà phê nhưng bán sản phẩm cà phê. Bên cạnh các quán trà sữa, quán cà phê boutique thì hình thức kinh doanh “cà phê ngoài quán” đang ngày càng được nhiều người quan tâm. Trong hai năm qua, quán trà, bánh, khách sạn, trạm xăng và các cơ sở kinh doanh khác đều lấn sân sang lĩnh vực kinh doanh cà phê. Trong đó, quy mô lớn nhất là quán cà phê chè. McDonald’s đã đầu tư 2,5 tỷ vào cà phê lúa mì vào năm ngoái và 10 triệu cốc đã được giao miễn phí. Số lượng cửa hàng cà phê nhanh chóng mở rộng lên 1.600 và dự kiến sẽ đạt 2.000 vào cuối năm nay. Theo số liệu khảo sát của Aurora, tốc độ tăng trưởng của thị trường cà phê mới xây của Trung Quốc trong 4 năm qua là 28,5%, 23,5%, 37,3% và 25,4%, cao hơn 2% -9% so với tốc độ tăng trưởng chung của thị trường cà phê.

Theo "Báo cáo" của CBNDData, thị trường tiêu thụ cà phê của Trung Quốc có một tương lai tươi sáng. Xét về góc độ vĩ mô, quy mô tiêu thụ cà phê trong nước không ngừng mở rộng qua từng năm, những năm gần đây tốc độ tăng trưởng cả năm đều đạt khoảng 30%, người tiêu dùng tập trung ở các đô thị loại 1 và loại 2. Trong số

những người có hành vi tiêu thụ cà phê, trên 60% người tiêu dùng uống từ 3 tách cà phê trở lên mỗi tuần. Từ góc độ tiêu thụ cà phê bình quân đầu người, các đô thị hạng nhất như Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu và Thâm Quyển đã ngang bằng với các thị trường cà phê trưởng thành như Nhật Bản và Hoa Kỳ.

Với sự nâng cấp của nhu cầu tiêu dùng mới, cà phê hòa tan đã bắt đầu được thay thế bằng cà phê chất lượng cao. Trong số đó, cà phê dạng lỏng tiện lợi và nhanh chóng được người tiêu dùng ưa chuộng hơn cả. Báo cáo cho thấy cà phê lỏng chiếm thị phần cao nhất trong lĩnh vực cà phê nhanh chất lượng trực tuyến, đồng thời cà phê đông khô và cà phê viên nén vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng cao và trở thành xu hướng mới. Trong cà phê lỏng chính thống và cà phê đông khô và cà phê viên nén đang phát triển nhanh, hơn 70% lượng tiêu thụ là do phụ nữ đóng góp. Trong số đó, nhóm người tiêu dùng cà phê lỏng trẻ hơn, và những người hâm mộ cà phê đông khô và viên nén chủ yếu là nhân viên văn phòng và tầng lớp trung lưu cao cấp ở các thành phố hạng 1 và hạng 2. Khi mua cà phê mới xay, họ đặc biệt chú ý đến nguồn gốc và cách rang của hạt cà phê.

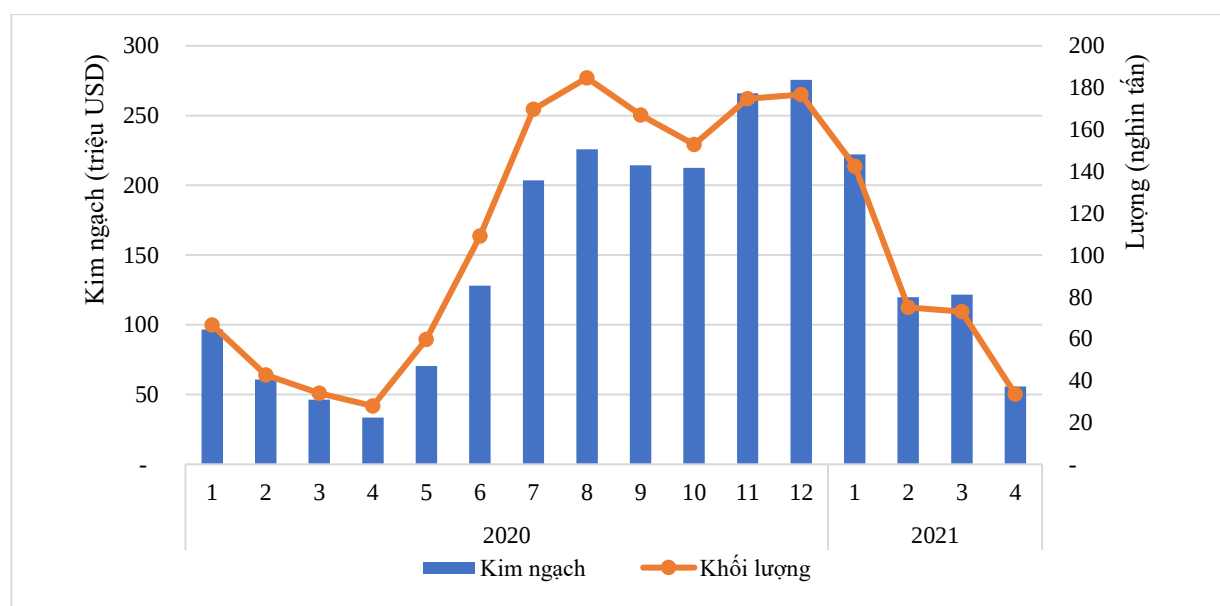
Mức tiêu thụ cà phê của Thượng Hải là tốt nhất tại Trung Quốc, xứng đáng là “thành phố cà phê”. Quảng Châu và Thâm Quyển là những “Thành phố cà phê” mới.

Sở thích về nguồn gốc hạt cà phê ở mỗi nơi rất khác nhau, Bắc Kinh và Quảng Châu yêu Ethiopia, còn Thâm Quyển thống trị Panama.Latte và American là những món yêu thích của người Thượng Hải, và hương vị cũng như nhận thức về thương hiệu là những thứ được quan tâm nhất.

5. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 04/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc ước đạt 33,4 nghìn tấn với trị giá 55,8 triệu USD, giảm 54,2% về khối lượng và giảm 54,1% về giá trị so tháng trước, nhưng tăng 20,0% về khối lượng và tăng 66,1% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

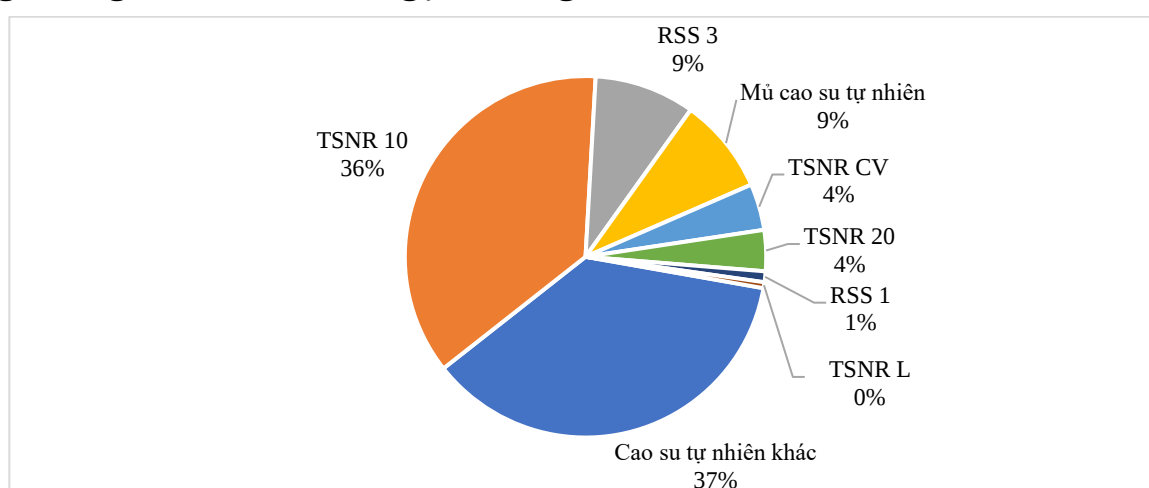
Hình 11: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 04/2021, cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR 10 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 3,3 triệu USD, chiếm 36,5% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là tấm cao su xông khói RSS 3 với kim ngạch 809,5 nghìn USD, chiếm 9,0% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là mủ cao su tự nhiên và cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR CV, chiếm lần lượt 8,6% và 4,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

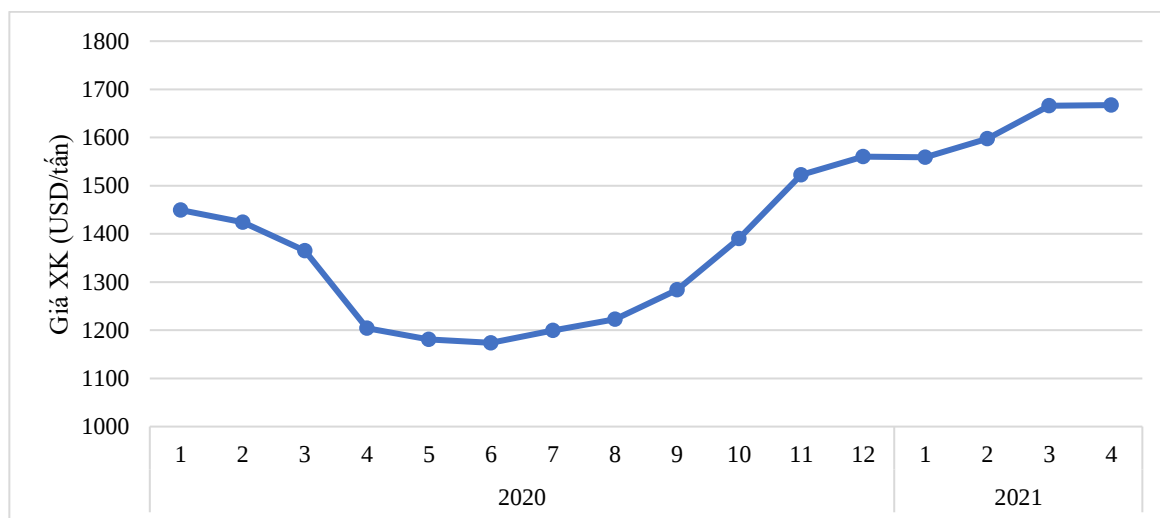
Hình 12: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 04/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc tiếp tục tăng trong tháng 04/2021 đạt mức 1.667 USD/tấn, tăng nhẹ 0,1% so với tháng trước và tăng 38,5% so với cùng kỳ 2020.

Hình 13: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

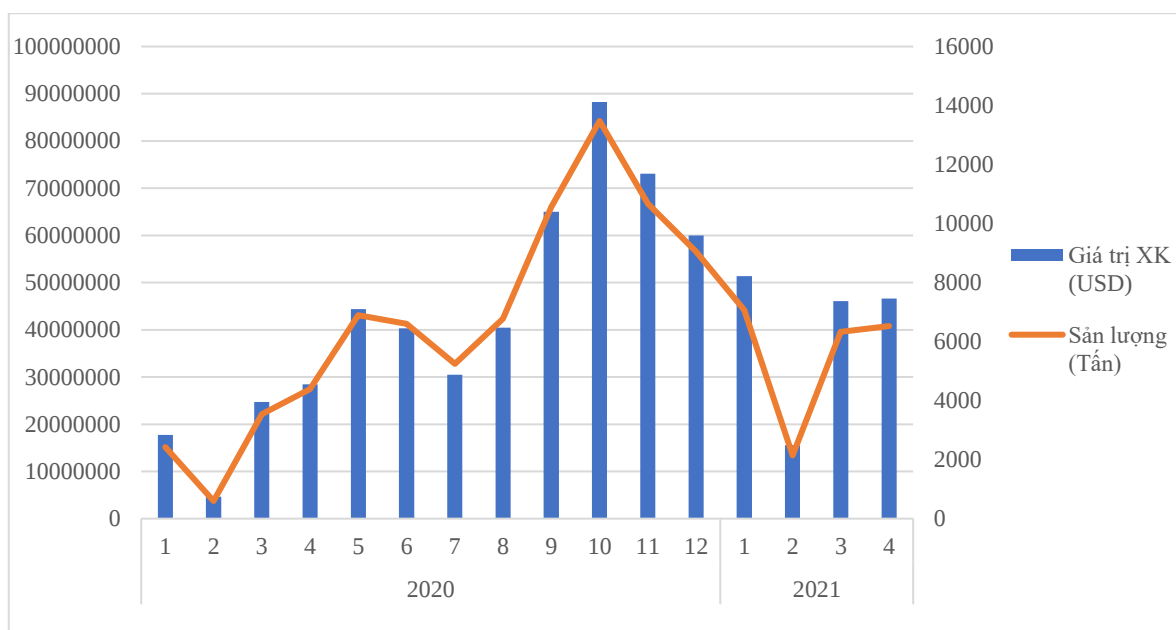
Trong tháng 04/2021, top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH Vạn Lợi, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp Bình Phước và Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Hiệp Thành. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 25,7%, 11,3% và 7,6% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 04/2021.

Nhận định và dự báo

Giá cao su thế giới có thể lập kỷ lục mới do nguồn cung cao su đang giảm dần. Bên cạnh việc đóng cửa nhà máy do đại dịch và tình trạng thiếu chip, ngành công nghiệp sản xuất ô tô toàn cầu còn phải đối mặt với tình trạng cạn kiệt nguồn cung cao su.

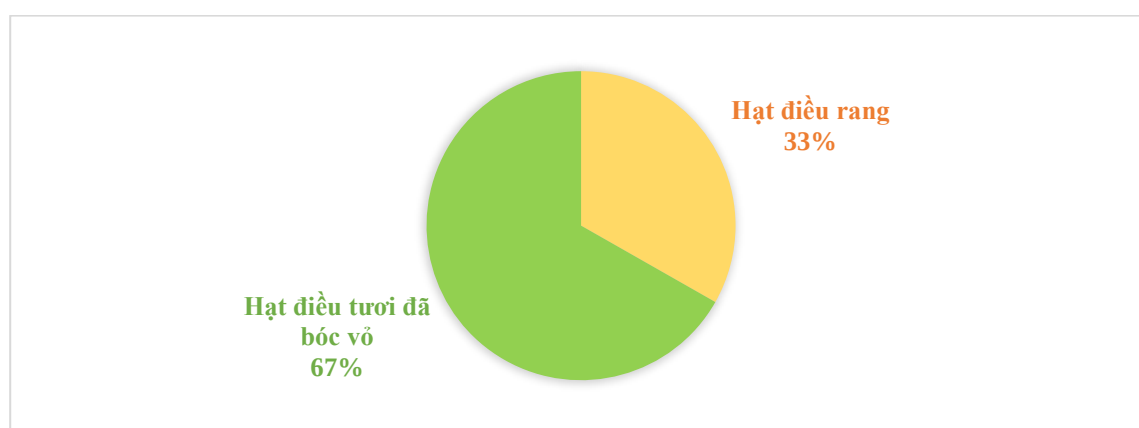
6. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2021, Việt Nam xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc đạt 6,53 nghìn tấn, trị giá 46,61 triệu USD, tăng 48,7% về khối lượng và 64% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 159,59 triệu USD, tương ứng với 22,06 nghìn tấn, tăng 115,% về giá trị và 101,3% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc

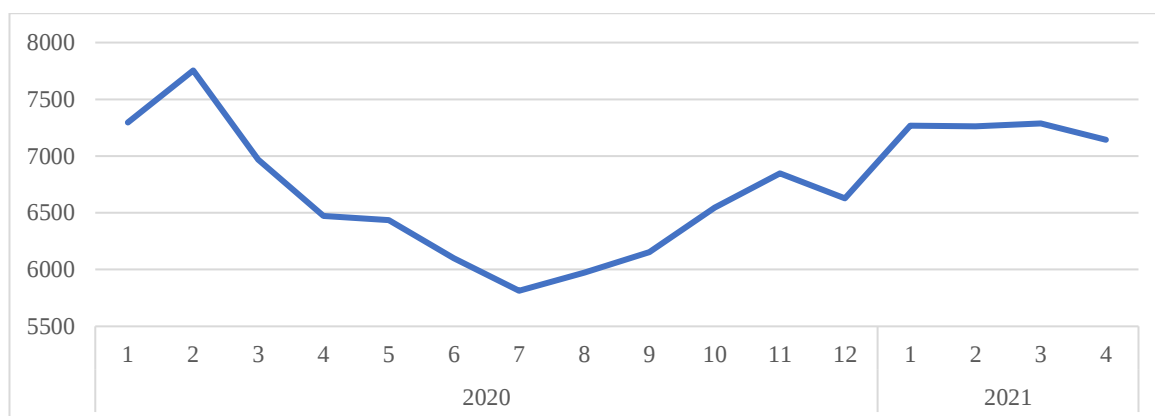
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 4/2021, điều tươi đã bóc vỏ chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị xuất khẩu hạt điều sang thị trường này, chiếm 66,77%, tương ứng 30,72 triệu USD, tăng 62,9% so với cùng kỳ năm trước và giảm 1,4% so với tháng 3/2021. Tiếp đến là hạt điều rang đạt 15,29 triệu USD chiếm 33,23%, tăng 68,4% so với cùng kỳ năm trước và 2,9% so với tháng trước

Hình 15: Cơ cấu hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tháng 4/2021

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường Trung có xu hướng giảm trở lại. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân sang thị trường này tháng 4/2021 đạt 7,14 nghìn USD/tấn, giảm 2% so với tháng trước và tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 16: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá một số loại hạt điều cụ thể xuất khẩu sang thị trường này như sau: Hạt điều đã bóc vỏ đạt 6,06 USD/kg tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước và 3,5% so với tháng trước. Điều rang đạt 9,4 USD/Kg tăng 22,7% so với 4/2020 và 3,5% so với tháng 3/2021

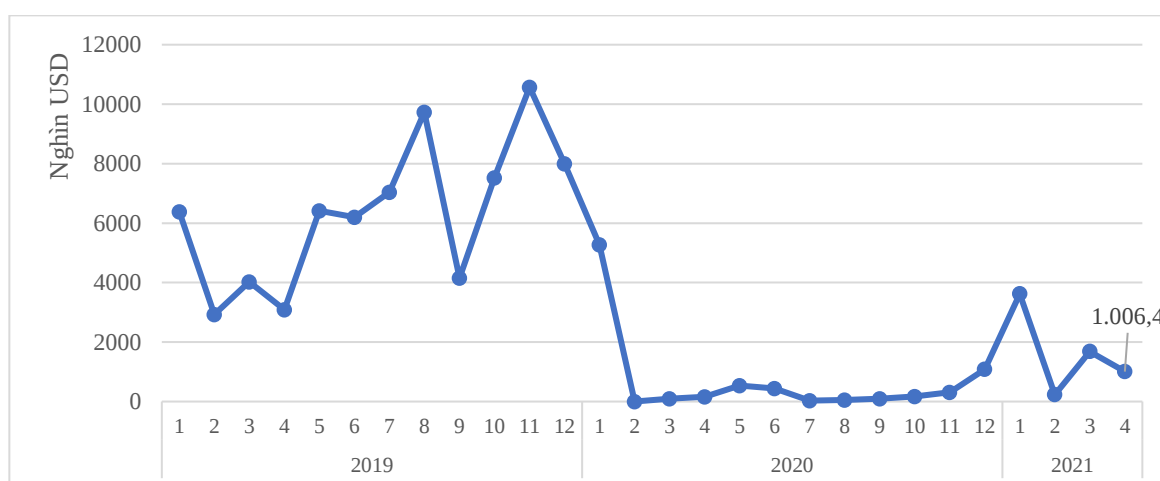
Tháng 4/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu GOLDEN SUN chiếm 18,45% tổng giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này; Công ty cổ phần Hoàng Sơn I chiếm 4,71% và Công ty TNHH Lâm Hòa Hiệp chiếm 3,37%.

7. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Trong tháng 4/2021, xuất khẩu thịt và sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc giảm 40% so với tháng trước, chỉ đạt 1 triệu USD, chiếm 27,3% tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam trong tháng. Các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu trong tháng 4 vẫn các mặt hàng chế biến như là chân gà, vịt (79,9%), thịt trâu khô (20,1%).

Trong tháng 3, chỉ có 7 doanh nghiệp được ghi nhận có hoạt động xuất khẩu sản phẩm thịt sang thị trường Trung Quốc. Trong đó, 3 doanh nghiệp có giá trị xuất khẩu lớn nhất là Công ty TNHH Sản xuất Xuất Nhập Khẩu ABP Việt Nam, Công ty Cổ phần Chế Biến Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Hải Phòng, và công ty TNHH Thành Trung.

Hình 17: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

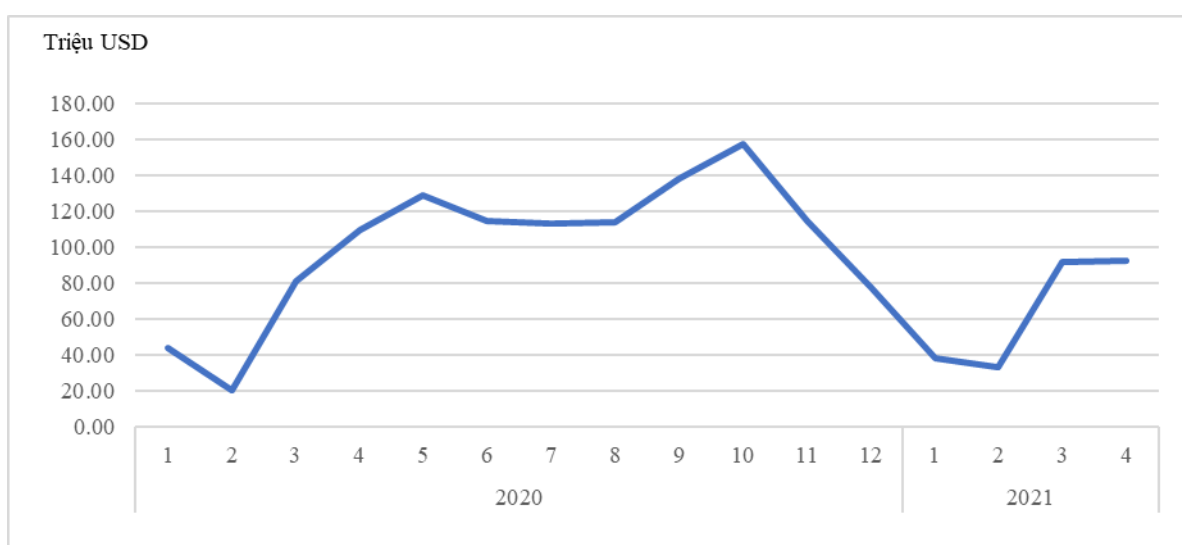
Về nhập khẩu, tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm thịt từ thị trường Trung Quốc của Việt Nam trong tháng 4/2021 đạt 666,5 nghìn USD, giảm 4,5% so với tháng trước, và tăng 101,6% cùng kỳ năm 2020. Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là ba ba sống, chiếm 99,87%.

8. THỦY SẢN

Theo cơ quan Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu thủy sản của nước này trong quý I/2021 đạt 4,3 tỷ USD, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam tăng 52,4%. Cũng theo cơ quan này, trong tháng 4/2021, nhập khẩu tôm nước ấm của nước này đạt 43 nghìn tấn, trị giá 240 triệu USD, giảm 19% về lượng và giảm 21% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái; giá nhập khẩu trung bình giảm 0,11 USD/kg so với tháng 4/2020, xuống còn 5,53 USD/kg. Tháng 4/2021, nhập khẩu tôm nước ấm của Trung Quốc từ hầu hết các thị trường cung cấp giảm so với cùng kỳ năm 2020, trong khi nhập khẩu từ Ấn Độ tăng. Tháng 4/2021, mặc dù giảm 30% nhưng Ê-cu-a-đo vẫn là thị trường cung cấp tôm nước ấm lớn nhất cho Trung Quốc, đạt 26,1 nghìn tấn; Ấn Độ là thị trường cung cấp lớn thứ 2, đạt 8,5 nghìn tấn, tăng 32% so với cùng kỳ năm 2020, chủ yếu do tháng 4/2020 xuất khẩu tôm nước ấm của Ấn Độ bị gián đoạn do đợt phong tỏa phòng Covid-19 của nước này. Thái Lan là thị trường cung cấp tôm nước ấm lớn thứ 3 cho Trung Quốc trong tháng 4/2021, đạt 1,5 nghìn tấn, giảm 16% so với cùng kỳ năm 2020; nhập khẩu từ Việt Nam đạt 1,4 nghìn tấn, giảm 55%. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu tôm nước ấm của Trung Quốc đạt 178 nghìn tấn, giảm 15% so với cùng kỳ năm 2020

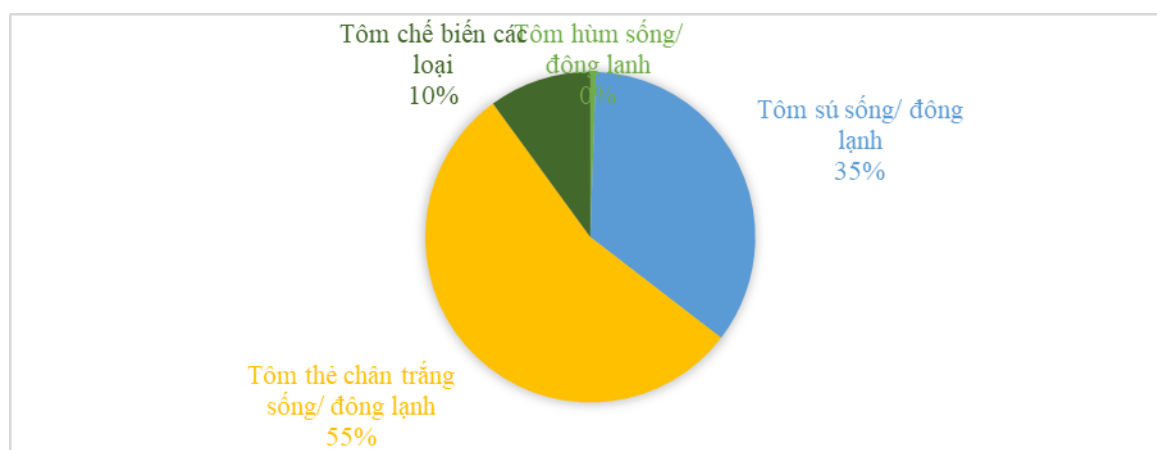
Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 4/2021 đạt 92,16 triệu USD, tăng giảm 15,8% so với cùng kỳ năm trước và tăng 0,5% so với tháng 3/2021 đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 4 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 253,36 triệu USD, tăng 2,88% so với cùng kỳ năm trước. Trung Quốc là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn thứ 3 của Việt Nam sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Hàn Quốc chiếm 10,9% tỷ trọng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2021. Tôm và cá da trơn vẫn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính trong tháng này: tôm chiếm 31,6%; cá da trơn chiếm 44,4%.

Hình 18: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm tháng 4 năm 2021 đạt 29,09 triệu USD, tăng 36,3% so với tháng 3/2021, nhưng giảm 17,4% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, giá trị xuất khẩu tôm hùm sống/đông lạnh đạt 0,15 triệu USD, giảm 98% so với tháng 4/2020; tôm sú sống/đông lạnh đạt 9,98 triệu USD, giảm 18,4%; tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 15,59 triệu USD, tăng 6,8%. Xuất khẩu tôm đang có xu hướng tăng trưởng dần trở lại kể từ tháng 2/2021. Hai mặt hàng tôm chính giữ được mức tăng trưởng ổn định so với tháng trước. Giá trị xuất khẩu tôm sú sống/đông lạnh và tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh tăng lần lượt 49,5% và 36,1%.

Hình 19: Cơ cấu xuất khẩu Tôm sang thị trường Trung Quốc tháng 4/2021

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Đối với mặt hàng cá da trơn, giá trị xuất khẩu tháng 4/2021 đạt 40,92 triệu USD, tăng 6% so với tháng 3/2021 và giảm 17,4% so với cùng kỳ năm 2020. Xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này tháng 4/2021 chủ yếu là cá tra. Trong đó, xuất khẩu cá tra phi lê đạt 31,86 triệu USD, giảm 16,1% so với cùng kỳ năm trước và tăng 2,6% so với tháng 3/2021; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê đạt 8,71 triệu USD tăng 57,5% so với tháng 4/2020, và tăng 15,5% so với tháng trước.

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tháng 4/2021 như sau: Cua ghe đạt 1,88 triệu USD, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2020; Mực và bạch tuộc đạt 2,31 triệu USD, giảm 2,5%; thủy sản khác đạt 17,58 triệu USD giảm 21,5%

Về giá bình quân xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang thị trường này tháng 4/2021 như sau: cá da trơn đạt 1,71 USD/kg, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước và giảm 1,1% so với tháng 3/2021. Tôm đạt 7,50 USD/kg, giảm 11,6% so với cùng kỳ năm 2020 và giảm 1,23% so với tháng trước. Cụ thể:

Bảng 1: Giá xuất khẩu trung bình một số sản phẩm thủy sản tháng 4/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	1,71	4,2%	-1,1%
2	Cua, ghe	1,94	6,3%	-5,6%
3	Mực và bạch tuộc	5,67	-31,4%	-17,7%
4	Tôm	3,02	19,0%	7,8%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

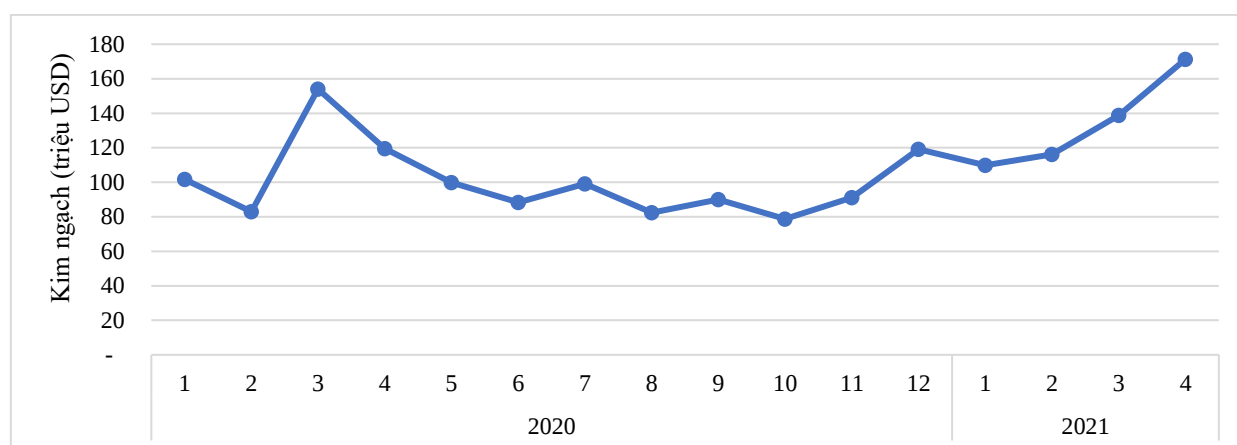
Tháng 4 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công Ty Cổ phần Nam Việt chiếm 6,3% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang

thị trường này; Công ty Cổ phần Gò Đăng chiếm 4,2%; Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đa quốc gia IDI chiếm 3,8%.

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 04/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc ước đạt 171,3 triệu USD, tăng 23,4% so với tháng trước và tăng 43,3% so với cùng kỳ năm 2020.

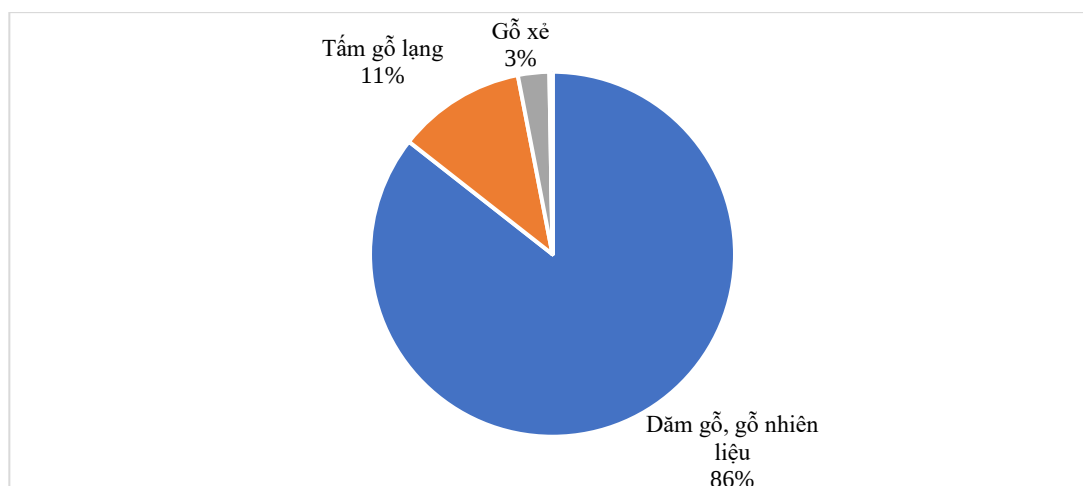
Hình 20: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 04/2021, dăm gỗ, gỗ nhiên liệu là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 136,8 triệu USD, chiếm 85,6% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là tấm gỗ lạng với kim ngạch 18,2 triệu USD, chiếm 11,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ xẻ và ván dăm, chiếm lần lượt 2,8% và 0,1% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 21: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 04/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 04/2021, top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH Hào Hưng, Công ty TNHH Thanh Thành Đạt, và Công ty TNHH MTV Hào Hưng Quảng Ngãi. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 16,6%, 12,1% và 10,5% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường Trung Quốc trong tháng 04/2021.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Trong tháng 5/2021, Trung Quốc cho biết nước này kỳ vọng sau Kế hoạch 5 năm lần thứ 14 (2021- 2025), nước này có thể đạt mức tự chủ lương thực đối với gạo và lúa mỳ ở mức 99,3%. Gần đây, nước này cũng đang tập trung phát triển các giống lúa năng suất cao, ví dụ Hải Nam (Trung Quốc) đã thành công lai tạo thử nghiệm loại giống mới tên Chaoyouqianhao có năng suất khoảng 15 tấn/ha. Như vậy, về dài hạn, việc tăng cường xuất khẩu các loại gạo (đặc biệt là gạo tẻ dùng cho các bữa ăn hàng ngày) sang thị trường này sẽ ngày càng trở nên khó khăn.

2. Rau quả

Theo báo cáo tại Hội nghị trực tuyến thúc đẩy tiêu thụ nông sản trong điều kiện dịch Covid-19” của Bộ Nông nghiệp và PTNT diễn ra ngày 14/5 nhận định: hiện nay, đợt dịch bùng phát lần thứ 4 tại Việt Nam, lan rộng trên 26 địa phương, các địa phương có dịch đều chung một đặc điểm là có nhiều đường giao thông huyết mạch chạy qua, án ngữ những con đường vận tải hàng hóa quan trọng về Hà Nội, nối liền tỉnh với các trung tâm kinh tế, thương mại của miền Bắc. Đó là Quốc lộ 1A nối Hà Nội – Bắc Ninh – Lạng Sơn, đường cao tốc nối sân bay quốc tế Nội Bài – Bắc Ninh – Hạ Long; Quốc lộ 2 và cao tốc Nội Bài – Lào Cai; Quốc lộ 10 nối Hải Phòng – Thái Bình – Nam Định – Ninh Bình ... Bên cạnh đó, nhiều sản phẩm nông sản đang vào mùa vụ thu hoạch và Trung Quốc là thị trường xuất khẩu chính như nhãn, vải, thanh long, ... có nguy cơ gây áp lực lưu thông hàng hóa để đưa lên các tỉnh biên giới xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc trong thời gian tới. Do vậy các cơ quan quản lý nhà nước, các lực lượng liên ngành, các địa phương trồng vải và các tỉnh biên giới cần xây dựng và thực hiện nhiều phương án tiêu thụ cho các tình huống để sẵn sàng ứng phó.

3. Cà phê

Theo báo cáo mới nhất của USDA, tiêu thụ nội địa của Thị trường Trung Quốc niên vụ 2020/2021 là khoảng 201 nghìn tấn, tăng 2,92% so với niên vụ 2019/2020, nhập khẩu là khoảng 171 nghìn tấn, giảm 3,72% so với niên vụ trước. Dự báo quy mô thị trường ngành cà phê Trung Quốc sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng kép trung bình 10% từ năm 2021 đến năm 2026, và quy mô thị trường sẽ đạt gần 170 tỷ nhân dân tệ vào năm 2026. Theo "Báo cáo phân tích nhu cầu thị trường ngành cà phê Trung Quốc và kế hoạch đầu tư cho giai đoạn 2020-2025" do Viện nghiên cứu ngành công nghiệp tầm nhìn phát hành, trong 5 năm từ 2015 đến 2020, tiêu thụ cà phê của Trung Quốc đang tăng với tốc độ hàng năm là 15%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ tăng trưởng trung bình của thế giới là 2%.

Tiêu thụ cà phê tại các khu vực thành thị trung Quốc ngày càng phát triển, trong đó thụ cà phê hòa tan, cà phê dạng lỏng tiện lợi đặc biệt với các hương vị mới lạ, có lợi cho sức khỏe được người tiêu dùng ưu thích.

4. Cao su

Nguồn cung cao su toàn cầu bị ảnh hưởng do tình trạng thiếu container vận chuyển quay trở lại, việc Trung Quốc tăng cường dự trữ và dịch bệnh hoành hành cũng ảnh hưởng đến sản lượng cao su cung cấp ra thị trường. Xuất khẩu cao su của Việt Nam trong thời gian tới sẽ tiếp tục tăng nhờ nhu cầu từ Trung Quốc, thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam với lợi thế về vị trí địa lý và là thị trường truyền thống. Đồng thời giá cao su cũng ở mức cao so với cùng kỳ năm 2020

5. Thủy sản

Xuất khẩu thủy sản sang thị trường này vẫn tiếp tục giữ được đà tăng trưởng ổn định trong tháng 5 khi ngành thủy sản Ấn Độ (nước cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam) vẫn chưa thể phục hồi do ảnh hưởng của dịch Covid. Tuy nhiên, do Trung Quốc vẫn siết chặt kiểm tra Covid 19 với các mặt hàng thủy sản nhập vào nước này nên giá trị nhập khẩu chưa tăng đột biến và giữ ở mức ổn định.

6. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ

Trong quý I/2021, đầu tư bất động sản của Trung Quốc đã tăng 25,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, đầu tư nhà ở đã tăng gần 29%. Theo đó, nhu cầu gỗ và đồ gỗ nội ngoại thất của Trung Quốc được dự báo tiếp tục tăng trong những tháng tới. Đây là cơ hội rõ ràng cho các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ của Việt Nam.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS chính của Việt Nam sang Trung Quốc Tháng 4/2021

STT	Sản phẩm	Tháng 4/2021 (USD)	Tăng/giảm so T3/2021	Tăng/giảm so T4/2020	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	11.042.464	-16,3%	23,0%	1,3%
2	Cao su	55.750.350	-54,1%	66,1%	6,8%
3	Chè	1.730.766	50,5%	58,2%	0,2%
4	Gạo	57.952.000	9,7%	-13,3%	7,1%
5	Gỗ và SP Gỗ	171.277.683	23,4%	43,3%	20,9%
6	Rau quả	256.655.490	-0,8%	13,9%	31,4%
7	Hàng thủy sản	92.190.035	0,6%	-15,7%	11,3%
8	Hạt điều	46.605.635	1,1%	64,0%	5,7%
9	Mây tre đan	1.008.133	-8,8%	18,0%	0,1%
10	SP từ cao su	9.275.812	-20,5%	13,6%	1,1%
11	Sắn & SP sắn	68.841.763	-36,5%	-24,2%	8,4%
12	TĂGS & NL	44.647.543	26,0%	187,6%	5,5%
13	Thịt & SP Thịt	1.006.446	-40,2%	507,4%	0,1%
Tổng XK NLTS		817.984.120	-7,3%	15,4%	100,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Trung Quốc Tháng 4/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 4/2020		Tháng 4/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo nếp	102.076	61.818.242	85.548	41.627.942	-16,2%	-32,7%
2.	Các loại gạo khác	8.913	4.989.999	27.097	16.324.058	204,0%	227,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê chính sang Trung Quốc Tháng 4/2021

Mặt hàng	T4/2020	T4/2021	So sánh T4/2020 và T4/2021
Chưa rang chưa khử cafein	1.932.861	4.529.725	134,35%
Đã rang chưa khử cafein	244.982	222.326	-9,25%
Khác (vò, chất thay thế chứa cà phê)	7.075	-	-100,00%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	4.503.190	4.115.535	-
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	2.292.514	2.174.879	-5,13%
Tổng	8.980.622	11.042.464	22,96%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Trung Quốc Tháng 4/2021**

TT	Sản phẩm	T4/2020 (USD)	T4/2021 (USD)	So sánh T4.2021/T4.2020
1	Thanh long	99.702.282	114.062.177	14,4%
2	Chuối	21.877.086	45.388.067	107,5%
3	Xoài	49.304.419	40.431.632	-18,0%
4	Mít	22.536.919	26.525.259	17,7%
5	Dưa hấu	5.339.681	9.232.011	72,9%
6	Ốt	10.828.679	5.175.440	-52,2%
7	Dừa	2.906.096	4.883.832	68,1%
8	Chanh	2.376.393	2.382.595	0,3%
9	Nhãn	479.603	184.055	-61,6%
10	Măng cụt	281.689	10.777	-96,2%
11	Vải	30.706	9.507	-69,0%
12	Sầu riêng	184.910		
13	Khác	9.503.348	8.370.139	-11,9%
	Tổng	225.351.811	256.655.490	13,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang Trung Quốc Tháng 4/2021

T T	Sản phẩm	T4/2020 (USD)	T4/2021 (USD)	So sánh T4.2021/T4. 2020
1	Thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm	93.225,0	419.637,0	350%
2	Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, v.v.)	72.470,8	586.809,2	710%
Tổng		165.695,8	1.006.446,2	507%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Trung Quốc Tháng 4/2021

Loại sản phẩm	Tháng 4/2021 (USD)	Tháng 4/2020 (USD)	So sánh 2021/20 (%)
Cá da trơn	40.918.317,68	43.646.861,31	-6,3%
Cá ngừ	225.010,50	119.175,60	88,8%
Cá rô phi	149.098,00	650.105,40	-77,1%
Cua, ghẹ	1.878.762,04	3.259.709,20	-42,4%
Mực và bạch tuộc	2.311.167,98	4.125.375,51	-44,0%
Tôm	29.091.158,50	35.201.615,84	-17,4%
Thủy sản khác	17.583.112,21	22.385.125,14	-21,5%
Tổng	92.156.626,92	109.387.968,00	-15,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm sắn và sản phẩm sắn sang thị trường Trung Quốc Tháng 4/2021

TT	Sản phẩm	T4.2020 (USD)	T4.2021 (USD)	So sánh T4.2021/T4.2020
1	Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	11.760.584	20.521.433	74,49%
2	Tinh bột sắn	79.089.332	48.320.330	-38,90%
Tổng giá trị XK		90.849.916	68.841.763	-24,22%

Nguồn: Tổng cục Hải quan